

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 07-01-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Tấn Lãm

Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Ngọc Th, sinh năm 1977 (có mặt)

- Bị đơn: Bà Hứa Thị L, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn PS, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn ông Bùi Ngọc Th:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Th với bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/11/2001. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau mấy tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống thì gia đình vợ thường xuyên có sự can thiệp vào cuộc sống vợ chồng. Trong gia đình bà L là người

quyết định mà không hỏi qua ý kiến của chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và xảy ra xung đột trong gia đình. Từ đó hai vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân nhau được 07 tháng. Nay ông Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Th được ly hôn với bà L.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống ông Th với bà L có 03 người con chung là cháu Bùi Anh T, sinh ngày 21/5/2003; cháu Bùi Anh Y, sinh ngày 11/4/2004 và cháu Bùi Thị Anh O, sinh ngày 25/8/2006. Khi ly hôn ông Th yêu cầu được nuôi 03 con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Th, bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phần trình bày của bị đơn bà Hứa Thị Linh:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L, ông Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/11/2001. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng khoảng thời gian hơn một năm trở lại đây thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Th cho rằng gia đình bên nhà bà có sự can thiệp vào việc tự do tín ngưỡng của ông Th. Nên ông Th thường hay gây sự với vợ và con. Từ 07 tháng nay ông Th đi làm nhưng không đưa tiền cho bà lo cho con, một mình bà vừa làm vừa đưa đón con đi học mà ông Th không phụ giúp. Tuy nhiên, bà L vẫn còn tình cảm với ông Th và mong muốn được đoàn tụ gia đình nên bà L không đồng ý ly hôn với ông Th.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống ông Th với bà L có 03 người con chung là cháu Bùi Anh T, sinh ngày 21/3/2003; cháu Bùi Anh Y, sinh ngày 11/4/2004 và cháu Bùi Thị Anh O, sinh ngày 25/8/2006. Nếu ly hôn bà L yêu cầu được nuôi 03 con chung

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Linh không yêu cầu

- *Về tài sản chung và nợ chung*: bà L, ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Th và bà L đã thống nhất với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con chung là mỗi tháng ông Th cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

** Theo biên bản xác minh ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại tư pháp xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước có nội dung:*

Ông Bùi Ngọc Th và bà Hứa Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Bù Gia Mập vào ngày 23/11/2001. Trong quá trình chung sống tại địa phương không nhận được đơn yêu cầu giải quyết hoặc hòa giải về mâu thuẫn quan hệ hôn nhân của ông Th, bà L nên địa phương không biết mâu thuẫn giữa bà ông Th, bà L.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa hôm nay:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về thụ lý, phân công thẩm phán; xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; thủ tục công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 197, 205, 208, 209 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Ngọc Th được ly hôn với bà Hứa Thị L

+ Về con chung: Giao 03 người con chung Bùi Anh T, cháu Bùi Anh Y, cháu Bùi Thị Anh O cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, do nguyên đơn ông Bùi Ngọc Th thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Hứa Thị L trú tại thôn PS, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Ngọc Th và bà Hứa Thị L tự nguyện chung sống và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/11/2001. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà L là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Th có yêu cầu được ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống thì gia đình vợ thường xuyên có sự can thiệp vào cuộc sống vợ chồng. Trong gia đình bà L là người quyết định mà không hỏi qua ý kiến của chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và xảy ra xung đột trong gia đình và sống ly thân đã 07 tháng. Hiện tại ông Th xác định không còn tình cảm với bà L nên yêu cầu được ly hôn

Bà L xác nhận trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Th cho rằng gia đình bên nhà bà có sự can thiệp vào việc tự do tín ngưỡng của ông Th. Nên ông Th thường hay gây sự với vợ và con. Từ 07 tháng nay ông Th đi làm nhưng không đưa tiền cho bà lo cho con, một mình bà vừa làm vừa đưa đón con đi học mà ông Th không phụ giúp. Nhưng bà vẫn còn tình cảm với ông Th nên không muốn ly hôn, bà muốn hàn gắn gia đình và cùng nhau nuôi con.

Tuy nhiên, ông Th không đồng ý đoàn tụ và cương quyết ly hôn vì cho rằng trong quá trình chung sống giữa hai người không có tiếng nói chung, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Xét thấy, trong quá trình chung sống thì giữa ông Th và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng cả hai bên đã không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng, hai bên không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được.

Vì vậy, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể

kéo dài nên yêu cầu của ông Th được ly hôn với bà L là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Do ông Th và bà L không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, cả hai đều có yêu cầu được quyền nuôi con. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Đồng thời các cháu Bùi Anh T, Bùi Anh Y, Bùi Thị Anh O đã trên 07 tuổi nên cần xem xét đến nguyện vọng của các cháu, tại biên bản ghi lời khai ngày 02/12/2020 thì các cháu Th, Y, O đều có nguyện vọng được ở với bà L. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao 03 người con chung cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp. Nên yêu cầu về nuôi con của bà L được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa ông Th và bà L thống nhất thỏa thuận là ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Đây là sự thỏa thuận của các bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th, bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các điều 57, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Ngọc Th

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Ngọc Th được ly hôn bà Hứa Thị L

Quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao người con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 21/3/2003; cháu Bùi Anh Y, sinh ngày 11/4/2004 và cháu Bùi Thị Anh O, sinh ngày 25/8/2006 cho bà Hứa Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bùi Ngọc Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 07/01/2021 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

1.5. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Bù Ngọc Th phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019481 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Về án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Bùi Ngọc Th phải nộp

2. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết